

Số: 169/XS-KTTV
V/v báo cáo giám sát
tài chính 6 tháng đầu năm 2023

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 7 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2023 theo một số nội dung như sau:

1. Đặc điểm tình hình

a) Thuận lợi:

Hoạt động xổ số luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự quan tâm của UBND tỉnh, Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Hội đồng XSKT miền Bắc; sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh.

b) Khó khăn:

- Sự cạnh tranh bất hợp pháp ngày càng tinh vi của tệ nạn số lô số đề với cách thức tham gia (không cần ghi, mua vé, không cần trả tiền ngay và có thể ghi nợ nhiều lần), linh hoạt về cơ chế (hoa hồng, trả thưởng cao do trốn thuế), các website về cá độ bóng đá, số đề và các trò chơi trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội... là một thách thức không hề nhỏ diễn ra hàng ngày, hàng giờ song hành với hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Xổ số điện toán Việt Nam (Vietlott) đã phát hành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cũng đã thu hút một bộ phận người tham gia dẫn đến thị phần trong lĩnh vực kinh doanh xổ số bị chia sẻ.

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn do tác động của nền kinh tế trong và ngoài nước chưa hồi phục sau đại dịch Covid-19 đã tác động và ảnh hưởng tiêu cực làm giảm cầu về hoạt động vui chơi có thưởng.

2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023

- Chỉ tiêu tổng doanh thu là 38.806,7 triệu đồng, đạt 46,76% so với kế hoạch năm (38.806,7 triệu đồng/83.000 triệu đồng).

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 469,8 triệu đồng, đạt 27,91% so với kế hoạch năm (469,8 triệu đồng/1.683,2 triệu đồng).

- Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước thực hiện so với kế hoạch năm là 3,92%/14,0%.

- Thuế, phí nộp ngân sách nhà nước: Kế hoạch UBND tỉnh giao là 18.100 triệu đồng, thực hiện đạt 9.267 triệu đồng, so với kế hoạch UBND giao đạt 51,19%.

- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN: Kế hoạch UBND tỉnh giao là 1.117,3 triệu đồng, thực hiện đạt 542,73 triệu đồng, so với kế hoạch UBND giao đạt 48,57%.

3. Bảo toàn vốn và phát triển vốn (kèm theo biểu mẫu B06MS01)

a) Vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu của Công ty đến thời điểm ngày 31/12/2022: 12.000 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn điều lệ: 9.000 triệu đồng.

+ Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp: 3.000 triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty 6 tháng đầu năm 2023: 12.000 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn điều lệ : 9.000 triệu đồng.

+ Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp: 3.000 triệu đồng.

$$\text{Hệ số bảo toàn vốn (H)} = \frac{12.000 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 1$$

=> Theo quy định 6 tháng đầu năm 2023 Công ty bảo toàn và phát triển được vốn.

b) Tổng tài sản đến ngày 30/6/2023: 23.577,9 triệu đồng.

c) Lợi nhuận sau thuế: 469,8 triệu đồng.

d) Hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:

$$\text{ROE} = \frac{469,8 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 3,92 \%$$

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:

$$\text{ROA} = \frac{469,8 \text{ trđ}}{23.577,9 \text{ trđ}} = 1,99 \%$$

4. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

4.1. Đầu tư dự án (kèm theo biểu mẫu 02A)

Công ty triển khai thực hiện 02 dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc phòng xử số kiến thiết tại huyện Sơn Dương và huyện Chiêm Hóa (02 dự án đang trong bước hoàn thiện thủ tục giao đất thực hiện chuyển nhượng đền bù giải phóng mặt bằng); 01 dự án khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH một thành viên Xử số kiến thiết Tuyên Quang.

4.2. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo biểu mẫu 02B)

Công ty không phát sinh hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

4.3. Huy động vốn và sử dụng vốn huy động

Công ty không phát sinh hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn huy động.

4.4. Quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả

a) Quản lý tài sản: Doanh nghiệp thực hiện đầu tư mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản phù hợp với trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; hạch toán, mở sổ chi tiết theo dõi tài sản, thực hiện trích khấu hao tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tổng tài sản đầu đến ngày 31/12/2022 là 25,16 tỷ đồng, tổng tài sản 6 tháng đầu năm 2023 là 23,57 tỷ đồng, giảm trên 6,32% do trong 6 tháng đầu năm 2023 Công ty thực hiện tạm chi trả tiền lương còn lại năm 2022, tạm nộp thuế tháng 6 năm 2023, chi trả tiền đền bù chuyển nhượng thu hồi đất giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xử số kiến thiết huyện Sơn Dương. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty trích khấu hao tài sản là 269,46 triệu đồng và đóng bảo hiểm nhân thọ cho người lao động theo quy định.

b) Tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế:

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý nợ theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tình hình quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả được phân loại theo tính chất nợ, định kỳ được xác nhận đối chiếu và theo dõi theo từng đối tượng.

c) Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: 1.476,6 triệu đồng, trong đó:

- Phải thu của khách hàng (TK 131): 97,2 triệu đồng (số công nợ phải thu các loại vé xử số thời điểm ngày 30/6/2023 của Tổng đại lý xử số có sổ tiết kiệm thế chấp tại công ty theo đúng quy định và tiền phải thu thuế TNCN của cán bộ, nhân viên và đại lý xử số).

- Trả trước cho người bán ngắn hạn (TK 331): 1.039,5 triệu đồng là khoản tiền tạm ứng cho đơn vị thực hiện quy hoạch, khảo sát, đo đạc xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xử số kiến thiết huyện Chiêm Hóa, huyện Sơn Dương; tiền đền bù thu

hồi chuyển nhượng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xô số kiến thiết huyện Sơn Dương.

- Phải thu khác (TK 138): 81,6 triệu đồng là khoản phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dự kiến hiện chưa thu thời điểm 30/6/2023.

- Tạm ứng (TK141): 176,5 triệu đồng (Số tiền tạm ứng để phục vụ công tác trả thưởng tại công ty và tiền tạm ứng đi công tác).

- Ký quỹ, ký cược (TK 244): 81,7 triệu đồng là khoản tiền góp quỹ Hội đồng Xô số kiến thiết miền Bắc.

- Phải trả, phải nộp khác: 0 triệu đồng.

d) Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải trả là: 11.577,9 triệu đồng, trong đó:

- Nợ ngắn hạn: 10.931,4 triệu đồng.

- Nợ dài hạn: 646,5 triệu đồng.

Trong tổng số nợ phải trả số tiền dự phòng rủi ro trả thưởng 6.255 triệu đồng chiếm 54%; thuế và các khoản phải nộp nhà nước là 945 triệu đồng chiếm 8,1%; người mua trả tiền trước ngắn hạn (đại lý mua vé xổ số) là 1.227,5 triệu đồng chiếm 10,6%; phải trả ngắn hạn khác (hoa hồng tổng đại lý, đại lý xổ số và các khoản phải trả khối xổ số miền Bắc) là 766,7 triệu đồng chiếm 6,6%; quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.156,5 triệu đồng chiếm 9,9%; phải trả người lao động là 498,6 triệu đồng chiếm 4,3%; phải trả người bán ngắn hạn là 56,9 triệu đồng chiếm 0,5%; nợ dài hạn (tiền ký quỹ, ký cược đại lý xổ số) là 646,5 triệu đồng chiếm 5,6%.

+ Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Các khoản nợ của Công ty đều là nợ luân chuyển, nợ ngắn hạn do chưa đến thời điểm thanh toán nên Công ty không phát sinh thiệt hại nợ phải thu và không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đối với nợ phải trả đều nằm trong tầm quyền soát tài chính của Công ty.

+ Nợ phải trả quá hạn: Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn:

$$\text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{14.148,6 \text{ trđ}}{10.931,4 \text{ trđ}} = 1,29$$

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{11.577,9 \text{ trđ}}{12.000 \text{ trđ}} = 0,96$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của công ty ở mức phù hợp, tình hình tài chính của công ty ổn định, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ.

5. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính

5.1. Về sản lượng tiêu thụ vé xổ số trong kỳ:

Loại vé	ĐVT	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
Xổ số Bốc	Vé	400.000	300.000	250.000	450.000
Xổ số Bốc 5.000đ	Vé	250.000	300.000	200.000	350.000
Xổ số Bốc 10.000đ	Vé	150.000	0	50.000	100.000
Xổ số Cặp số	Vé	780.090	900.000	411.570	1.268.520
XS Cặp số 10.000đ	Vé	52.000	200.000	65.600	186.400
XS Cặp số 20.000đ	Vé	476.950	700.000	291.350	885.600
XS Cặp số 50.000đ	Vé	251.140	0	54.620	196.520
Xổ số Lô tô	Vé	1.651.210	3.200.000	1.961.630	2.889.580
XS Lô tô 5.000đ	Vé	340.100	700.000	381.400	658.700
XS Lô tô 10.000đ	Vé	180.600	2.000.000	1.138.600	1.042.000
XS Lô tô 20.000đ	Vé	453.450	500.000	385.650	567.800
XS Lô tô 50.000đ	Vé	677.060	0	55.980	621.080
Xổ số Lô tô 3/23	Vé	108.700	2.900	13.300	98.300
XS Lô tô 3/23: 10.000đ	Vé	22.500	1.000	11.300	12.200
XS Lô tô 3/23: 20.000đ	Vé	86.200	1.900	2.000	86.100
Xổ số Kiến thiết	Vé	572.000	3.614.000	3.568.500	617.500
XSKT 10.000đ	Vé	481.000	3.614.000	3.477.500	617.500
XSKT 20.000đ	Vé	91.000		91.000	0
Tổng cộng:	Vé	3.512.000	8.016.900	6.205.000	5.323.900

5.2. Chỉ tiêu tài chính:

a) Doanh thu và thu nhập khác:

Doanh thu và thu nhập khác của Công ty được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và quy chế quản lý tài chính do Công ty ban hành.

Chỉ tiêu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2023 là 30.708,8 triệu đồng, đạt 93,5% so với cùng kỳ thực hiện năm 2022 (30.708,8 triệu đồng/32.827,7 triệu đồng), đạt 46,8% so với kế hoạch giao năm 2023 (30.708,8 triệu đồng/65.612,6 triệu đồng), trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 30.679,1 triệu đồng, đạt 93,5% so với doanh thu cùng kỳ thực hiện năm 2022 (30.679,1 triệu đồng/32.794,5 triệu đồng).

- Doanh thu hoạt động tài chính là 25,5 triệu đồng, đạt 103,6% so với doanh thu cùng kỳ thực hiện năm 2022 (25,5 triệu đồng/24,6 triệu đồng).

- Thu nhập khác là 4,18 triệu đồng, đạt 39,4% so với thu nhập khác cùng kỳ thực hiện năm 2022 (4,18 triệu đồng/10,6 triệu đồng).

b) Về chi phí: Công ty xây dựng quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành và áp dụng trong toàn công ty, tất cả các khoản chi đều trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Về chi phí 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty:

Tổng chi phí là 30.116,9 triệu đồng, bằng 94,9% so với tổng chi phí cùng kỳ thực hiện năm 2022 (30.116,9 triệu đồng/31.731,4 triệu đồng), trong đó:

- Chi phí kinh doanh là 24.108,9 triệu đồng, bằng 93,9% so với chi phí kinh doanh cùng kỳ thực hiện năm 2022 (24.108,9 triệu đồng/25.653,0 triệu đồng).

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là 5.991,4 triệu đồng, bằng 98,9% so với cùng kỳ thực hiện năm 2022 (5.991,4 triệu đồng/6.054,0 triệu đồng).

- Chi phí khác là 16,6 triệu đồng, bằng 68,08% so với chi phí khác cùng kỳ thực hiện năm 2022 (16,6 triệu đồng/24,4 triệu đồng).

5.3. Chỉ tiêu hoạt động của doanh nghiệp:

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).

$$\text{ROE} = \frac{469,8 \text{ trđ}}{12.000 \text{ trđ}} = 3,91\%$$

$$\text{ROA} = \frac{469,8 \text{ trđ}}{23.577,9 \text{ trđ}} = 1,99\%$$

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 591,4 triệu đồng.

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 469,8 triệu đồng, so với lợi nhuận sau thuế cùng kỳ thực hiện năm 2022 là 873,6 triệu đồng đạt tỷ lệ bằng 53,7%, so với kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2023 là 1.683,2 triệu đồng đạt tỷ lệ bằng 27,91%.

- Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 3,91%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản 1,99%.

5.4. Phân tích về lưu chuyển tiền tệ trong kỳ:

a) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh: - 1.908,5 triệu đồng.

- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV& DT khác: 39.261 triệu đồng.

- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ: - 3.257 triệu đồng.

- Tiền chi trả cho người lao động: - 2.503 triệu đồng.

- Tiền nộp thuế TNDN: - 25,5 triệu đồng.

- Tiền thu khác cho HĐKD: 1.503 triệu đồng.

- Tiền chi khác cho HĐKD: - 36.886 triệu đồng.

b) Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư: 1.134,2 triệu đồng.

- Tiền chi xây dựng TSCĐ: 0 triệu đồng.

- Tiền thu từ thanh lý, tiền phạt vé hỏng: 0 triệu đồng.
- Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác: 0 triệu đồng.
- Tiền thu hồi đầu tư: 1.108,7 triệu đồng.
- Tiền thu lãi cho vay: 25,5 triệu đồng.

c) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính: Không phát sinh.

- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: - 774 triệu đồng.
- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ: 1.739 triệu đồng.
- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ: 965 triệu đồng.
- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ: 1.739 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền tạo ra từ các hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2023 là 40.764 triệu đồng; các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 42.672,5 triệu đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là -1.908,5 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư: 6 tháng đầu năm 2023 dòng tiền thu từ các hoạt động đầu tư 1.134,2 triệu đồng; các khoản chi cho hoạt động đầu tư 0 đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư là 1.134,2 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2023 không phát sinh.

- Tiền và tương đương tiền cuối kỳ: 965 triệu đồng.

- Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong năm 2023: Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp đảm bảo cân đối các chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

6. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023: Tổng số đã nộp ngân sách nhà nước là 9.267,09 triệu đồng, đạt 51,20% so với kế hoạch giao năm 2023 (9.267,09 triệu đồng/18.100,00 triệu đồng).

- Trích lập các quỹ 6 tháng đầu năm 2023 là 496,11 triệu đồng, trong đó: quỹ khen thưởng, phúc lợi là 430,36 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 65,75 triệu đồng. Việc sử dụng các quỹ (chỉ khen thưởng, phúc lợi) là 499,30 triệu đồng, trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 425,83 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 73,47 triệu đồng.

7. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật.

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nộp thuế và các khoản bảo hiểm đúng quy định, nộp báo cáo Tài chính, báo cáo giám sát tài chính và các báo cáo khác đúng quy định.

8. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các ý kiến của kiểm toán độc lập, kiểm soát viên và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(có biểu số 02.A; 02.C; 02.D; 05.A; B06MS01 kèm theo).

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên (báo cáo);
- Kiểm soát viên Công ty;
- Lãnh đạo Công ty;
- Lưu: VT, KT-TV.

GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỞ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Biểu số 02.A

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XD CB 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

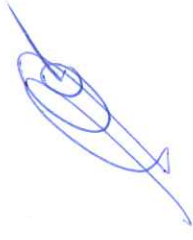
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư				Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 30/6//2023 (Triệu đồng)				Giải ngân đến ngày 30/6/2023 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)	
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động		%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
A Các dự án nhóm A																			
B Các dự án nhóm B																			
C Các dự án khác																			
1	Quy hoạch chi tiết dự án Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Sơn Dương	Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương	638.5	638.5	100%			Trên 240 ngày					562.5	562.5					562.5
	Quy hoạch chi tiết dự án Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Chiêm Hóa	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 28/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa	419.8	419.8	100%			Trên 240 ngày					334.1	334.1					334.1
	Khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang	Quyết định số 54/QĐ-XS ngày 15/5/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang	177.4	177.4	100%			Trên 240 ngày					140.0	140.0					140.0
Cộng			1,235.7	1,235.7									1,036.6	1,036.6				1,036.6	

GHI CHÚ: - Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án của chủ tịch Công ty vì số vốn đầu tư vào ít hơn 50% số vốn chủ sở hữu người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định đầu tư. Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

- Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lương Việt Hân

Lập, ngày 26 tháng 7 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh

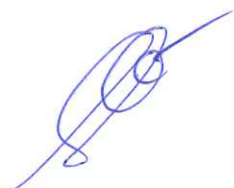
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch năm
			(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(4)/(2)	(7)=(4)/(3)
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1 Sản lượng SXSP chủ yếu							
2 Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3 Tồn kho cuối kỳ							
B Chỉ tiêu tài chính							
1 DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31,950	32,794	65,612	30,679	96.0%	94%	47%
2 Giá vốn hàng bán							
3 LN gộp BH và cung cấp DV	6,385	7,141		6,570	103%	92%	
4 Doanh thu hoạt động tài chính	160	24.6		25.5	16%	104%	
5 Chi phí tài chính							
6 Chi phí bán hàng							
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,956	6,054		5,991	101%	99%	
8 LN thuần từ hoạt động KD	589	1,112	-	604	103%	54%	
9 Thu nhập khác	9.5	10.6		3.8	40%	36%	
10 Chi phí khác	27.8	24.4		16.6	60%	68%	
11 Lợi nhuận khác	(18.3)	(13.8)	-	(12.8)	-70%	93%	
12 Tổng LN kế toán trước thuế	571	1,098	2,104	591	104%	54%	28%
13 Chi phí thuế TNDN hiện hành	120	224	421	122	102%	54%	29%
14 Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15 Lợi nhuận sau thuế DN	451	873	1,683	469	104%	54%	28%

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Lương Việt Hân

Lập, ngày 26 tháng 7 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

DVT: đồng

TT	Chi tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển kỳ tiếp theo
1	Thuế	1,025,066,557	8,357,231,161	8,976,102,008	489,377,072
+	Thuế GTGT	511,491,654	3,528,073,536	3,920,633,530	118,931,660
+	Thuế TTDB	738,466,601	4,601,583,206	4,628,823,324	711,226,483
+	Thuế TNDN	3,090,429	121,613,587	25,524,454	99,179,562
+	Thuế TNCN	(144,800,765)	105,960,832	401,120,700	(439,960,633)
+	Thuế đất				
2	Các khoản phải nộp khác		39,956,976	39,956,976	
+	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		39,956,976	39,956,976	
3	LN sau thuế còn lại sau khi trích lập + năm trước	251,039,395		251,039,395	
4	Tổng cộng 4=1+2+3	1,276,105,952	8,397,188,137	9,267,098,379	489,377,072

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

DVT: đồng

	Chi tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1	Quỹ đầu tư phát triển	3,000,000,000			3,000,000,000
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	987,473,736	430,358,098	425,832,000	991,999,834
3	Quỹ thưởng VCOLDN	172,257,071	65,756,250	73,470,000	164,543,321
4	Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp				
5	Quỹ đặc thù khác nếu có (Dự phòng trả thưởng)	6,595,638,510			6,255,012,910
6	Tổng cộng 6=1+2+3+4+5	10,755,369,317	496,114,348	839,927,600	10,411,556,065

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lương Việt Hân

Lập, ngày 26 tháng 7 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu 1			Chỉ tiêu 2				Chỉ tiêu 3			Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Xếp loại doanh nghiệp			
Doanh thu (Triệu đồng)			LN sau thuế (Triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (Triệu đồng)		Tỷ suất LN sau thuế/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Nợ quá hạn (Tr.đồng)		Nợ quá hạn (Tr.đồng)	Xếp loại	Chi tiêu 4 (Xếp loại)
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH				TSNH (Tr.đồng)			
83,000	38,807		1,683.2	469.8	12,000	12,000	14.0%	3.9%		14,148	10,931	1.294			

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập, ngày 26 tháng 7 năm 2023
GIÁM ĐỐC

Lương Việt Hân



Vương Trọng Khánh

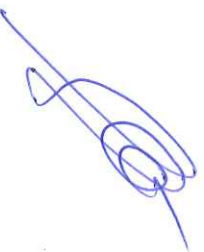
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Biểu số 06MS01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối Kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A Vốn chủ sở hữu, trong đó:	12,000 tr.đ	12,000 tr.đ	1
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	9,000 tr.đ	9,000 tr.đ	
2 Quỹ đầu tư phát triển	3,000 tr.đ	3,000 tr.đ	
3 Nguồn vốn xây dựng cơ bản			
B Tổng tài sản	25,169 tr.đ	23,577 tr.đ	
C Lợi nhuận sau thuế	X	469.8 tr.đ	
D Hiệu quả sử dụng vốn			
1 Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	X	3.92%	X
2 Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	X	1.99%	X

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lương Việt Hân

Lập, ngày 26 tháng 7 năm 2023
GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh

